

Hướng dẫn giải VBT Ngữ Văn 6 tập 1 bài Từ mượn ngắn gọn, chi tiết, bám sát nội dung chương trình học giúp các em tiếp thu bài giảng một cách dễ hiểu và hỗ trợ các em ôn luyện thêm kiến thức.

Dưới đây là cách giải bài Từ mượn trong vở bài tập Ngữ Văn 6 tập 1 mà chúng tôi đã chọn lọc và tổng hợp giúp các em học sinh có nguồn tham khảo tốt nhất.

Giải câu 1 trang 22 VBT Ngữ Văn 6 tập 1

Ghi lại các từ mượn có trong những câu dưới đây. Cho biết các từ ấy được mượn của tiếng (ngôn ngữ) nào.

a) *Đúng ngày hẹn, bà mẹ vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu là sinh lễ.*

(Sọ Dừa)

b) *Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập.*

(Sọ Dừa)

c) *Ông vua nhạc pốp Mai-cơn Giắc-xơn đã quyết định nhảy vào lãnh địa in-tơ-nét với vi-ệc mở một trang chủ riêng.*

Hướng dẫn giải:

Chỉ cần xác định những từ còn nhận rõ nguồn gốc là từ mượn (những từ đã Việt hóa triệt để không cần xác định)

Đáp án:

a) Mượn tiếng Hán: vô cùng, ngạc nhiên, tự nhiên, sinh lễ.

b) Mượn tiếng Hán: gia nhân.

c) Mượn tiếng Anh: pốp, in-tơ-nét.

Mượn tiếng Hán: quyết định

Giải câu 2 trang 22 vở bài tập Ngữ Văn 6 tập 1

Hãy xác định nghĩa của từng tiếng tạo thành các từ Hán Việt dưới đây:

a) *khán giả*: người xem; *thính giả*: người nghe; *độc giả*: người đọc.

b) *yếu điểm*: điểm quan trọng; *yếu lược*: tóm tắt những điều quan trọng; *yếu nhân*: người quan trọng.

Hướng dẫn giải:

Tìm các từ tiếng Việt có nghĩa tương đương với các từ Hán Việt đã cho. Dựa theo đó để xác định nghĩa của từng tiếng tạo thành từ Hán Việt.

Đáp án:

a)

- Khán giả: khán = xem, giả = người \Rightarrow người xem.
- Thính giả: thính = nghe, giả = người \Rightarrow người nghe.
- Độc giả: độc = đọc, giả = người \Rightarrow người đọc.

b)

- Yếu điểm: yếu = quan trọng, điểm = chỗ (điểm) \Rightarrow chỗ quan trọng, điểm quan trọng.
- Yếu lược: yếu = quan trọng, lược = tóm tắt \Rightarrow tóm tắt những điều quan trọng.
- Yếu nhân: yếu = quan trọng, nhân = người \Rightarrow người quan trọng.

Giải câu 3 trang 22 VBT Ngữ Văn lớp 6 tập 1**Câu 3 (trang 22 VBT Ngữ văn 6, tập 1):****Hãy kể một số từ mượn**

- Là tên các đơn vị đo lường.
- Là tên một số bộ phận của chiếc xe đạp.
- Là tên một số đồ vật.

Hướng dẫn giải:

Theo các ví dụ đã nêu trong bài tập, HS chú ý tìm các từ mượn từ các tiếng châu Âu. HS cố gắng tự tìm càng nhiều từ càng tốt.

Đáp án:

- Là tên các đơn vị đo lường: mét, lít, ki-lô-gam, ki-lô-mét,...
- Là tên một số bộ phận của chiếc xe đạp: ghi-đông, gác-đờ-bu,...
- Là tên một số đồ vật như: ra-đi-ô, vi-ô-lông, xoong,...

Giải câu 4 trang 23 vở bài tập Văn lớp 6 tập 1

Hãy đặt câu với từng từ trong các cặp từ dưới đây để thấy cách dùng khác nhau của chúng:

- Phu nhân/ vợ
- Phụ nữ/ đàn bà

Hướng dẫn giải:

Đặt câu với từng từ đã cho, thay thế các từ đó cho nhau để rút ra nhận xét về sự khác nhau giữa chúng. Chú ý: từ Hán Việt thường có sắc thái ý nghĩa khái quát, trang trọng, thích hợp với các tình huống giao tiếp có tính nghi thức.

Đáp án:

- Phu nhân / vợ:
 - + Bà là phu nhân của một vị quan lớn trong triều.
 - + Vợ tôi là giáo viên.
 - Phụ nữ / đàn bà:
 - + Những người phụ nữ xứng đáng được trân trọng và yêu thương.
 - + Đàn bà lúc nào cũng khó hiểu.
- => Nhận xét:
- Từ Hán Việt: mang tính trang trọng, nghi thức, lịch sự.
 - Từ Thuần Việt: mang tính đời thường, bình dân, gần gũi.

Giải câu 5 trang 23 VBT Văn lớp 6 tập 1

Cho các nghĩa sau của tiếng đại:

- 1, to, lớn
- 2, thay, thay thế
- 3, đời, thế hệ
- 4, thời, thời kì

Hãy sắp xếp các từ ngữ sau thành từng nhóm theo ý nghĩa của yếu tố đại: đại châu, đại diện, đại lí, đại dương, đại chiến, đại ý, cận đại, đại từ, đại lộ, hiện đại, tứ đại đồng đường, đại biểu, cổ đại, đại tài.

Hướng dẫn giải:

Đọc kỹ ý nghĩa của yếu tố đại. Đọc kỹ các từ đã cho và xem xét nghĩa của yếu tố đại trong từng từ.

Đáp án:

1. to, lớn: đại châu, đại lí, đại dương, đại chiến, đại ý, đại lộ, đại tài.
2. thay, thay thế: đại diện, đại từ, đại biểu
3. đời, thế hệ: tứ đại đồng đường
4. thời, thời kì: cận đại, cổ đại

Giải câu 6 trang 24 vở bài tập Văn lớp 6

a. Tìm các từ tiếng Việt tương đương với các từ mượn sau:

- phan (fan)
- nốc ao (knock-out)
- phôn (phone)

b. Đặt câu với mỗi từ trong từng cặp và cho biết sự khác nhau giữa chúng và cách dùng.

Hướng dẫn giải:

Tìm ý nghĩa của từ đã cho và tìm từ tiếng Việt tương đương.

Đáp án:

a, Giải thích:

- Phan tương đương với người hâm mộ
- Nốc ao tương đương với đánh bại, hạ gục
- Phôn tương đương với điện thoại, gọi điện

b, Đặt câu:

- Tôi là phan của nhóm nhạc này.
- Anh ấy đã bị hạ nốc-ao ngay trong trận đầu tiên.
- Tôi sẽ phôn lại cho bạn sau.

=> Nhận xét về sự khác nhau trong cách dùng của chúng: Từ mượn thường được sử dụng trong những trường hợp giao tiếp thân mật, bình thường và hạn chế hơn so với từ thuần Việt, không nên quá lạm dụng từ mượn.